Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau
Email: ubndt@camau.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
Ngày ký: 01.12.2020 08:58:26 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 150/TTr-UBND	*Cà Mau, ngày 30 tháng 11 năm 2020*

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Nghị quyết về Kế hoạch Tài chính 05 năm tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính phối hợp với Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Hải quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch Tài chính 05 năm tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi là Kế hoạch), báo cáo, xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất tại Công văn số 71/HĐND-TT ngày 20/5/2020.

Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn chỉnh Kế hoạch gửi xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; theo đó, Bộ Tài chính đã có ý kiến tại Công văn số 9205/BTC-NSNN ngày 31/7/2020 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư không có ý kiến đóng góp). Về cơ bản, Bộ Tài chính nhất trí với nội dung Kế hoạch, đồng thời có một số ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm nội dung đánh giá của giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025. Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Cục Hải quan cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, hoàn thiện lại nội dung Kế hoạch, báo cáo Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo xin ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Ngày 26/11/2020, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã tổ chức Hội nghị lần thứ hai và thống nhất với nội dung Kế hoạch để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm.

Theo nội dung Kế hoạch thì dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025, cơ cấu thu, chi và khung cân đối ngân sách tổng thể của địa phương 05

năm 2021 - 2025 được xây dựng dựa trên tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách 05 năm giai đoạn 2016 - 2020, cũng như các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Về cơ cấu thu, chi và khung cân đối ngân sách tổng thể của địa phương 05 năm 2021 - 2025 cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước

Dự kiến tổng thu ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 là 35.800 tỷ đồng, tăng 46,09% so với thực hiện 05 năm giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng thu bình quân khoảng 9%/năm, trong đó:

- Dự toán thu nội địa là 35.287 tỷ đồng, tăng 45,72% so với ước thực hiện 05 năm giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng thu nội địa bình quân khoảng 9%/ năm; thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 32.990,67 tỷ đồng.

- Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 513 tỷ đồng, bằng 176% so với ước thực hiện 05 năm giai đoạn 2016 - 2020.

2. Chi ngân sách nhà nước

a) Chi đầu tư phát triển

Dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 là 16.373,32 tỷ đồng (chưa bao gồm chi trả nợ gốc 35,17 tỷ đồng), trong đó:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước 4.286,37 tỷ đồng, xác định trên cơ sở bố trí tăng 10% qua mỗi năm trong giai đoạn 2021 - 2025;

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất 3.564 tỷ đồng (đã trừ 10% kinh phí thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), xác định trên cơ sở dự toán thu tiền sử dụng đất trong giai đoạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025;

- Chi từ nguồn xổ số kiến thiết 7.394 tỷ đồng, xác định trên cơ sở dự toán thu tiền xổ số kiến thiết trong giai đoạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025;

- Chi đầu tư từ nguồn vay lại ngân sách địa phương 1.128,95 tỷ đồng, xây dựng trên cơ sở kế hoạch vay 05 năm giai đoạn 2021 - 2025.

b) Chi thường xuyên

Dự kiến bố trí chi thường xuyên 05 giai đoạn 2021 - 2025 là 34.729,92 tỷ đồng, tăng 23,78% so với dự toán giai đoạn 05 năm 2016 - 2020.

Để đảm bảo cân đối ngân sách hàng năm nhằm hoàn thành Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định khung cân đối ngân sách địa phương là 51.196 tỷ đồng.

Việc xây dựng Kế hoạch nhằm xác định mục tiêu về huy động, phân phối, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; giảm mạnh và kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà

nước. Trên cơ sở Kế hoạch, Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch Tài chính 05 năm tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

Trên đây là Tờ trình ban hành Nghị quyết về Kế hoạch Tài chính 05 năm tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị (*kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh*). Tờ trình này thay thế Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Phòng TH (VIC);
- Lưu: VT, KT ($Đ_{11}$.16) (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Lâm Văn Bi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /NQ-HĐND	*Cà Mau, ngày tháng 12 năm 2020*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch Tài chính 05 năm tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2025;

Trên cơ sở xem xét Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số ...../BC-HĐND ngày .....tháng .....năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 15 đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tài chính địa phương; huy động, phân phối, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; từng bước cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, đầu tư

hợp lý cho con người và giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính đi đôi với đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tài chính; giảm mạnh và kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, bảo đảm ổn định kinh tế và an ninh tài chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Mục tiêu cụ thể

1. Phấn đấu tổng thu ngân sách nhà nước cả giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 35.800 tỷ đồng, tăng khoảng 1,46 lần so với ước thực hiện giai đoạn 2016 - 2020; tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với GRDP ở mức khoảng 9%; trong đó, từ thuế, phí, lệ phí khoảng 6% GRDP; tỷ trọng thu nội địa bình quân khoảng 98,57% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

2. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tích cực. Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước cả giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 51.196 tỷ đồng, trong đó, tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm bình quân khoảng 32% tổng chi ngân sách nhà nước; tỷ trọng chi thường xuyên bình quân khoảng 68% tổng chi ngân sách nhà nước.

Tổng chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 16.373 tỷ đồng. Trong đó, chi từ nguồn sử dụng đất là 3.564 tỷ đồng, từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 7.394 tỷ đồng, từ nguồn vốn vay lại 1.128 tỷ đồng, nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung 4.286 tỷ đồng (chưa bao gồm vốn bố trí trả nợ gốc là 35,17 tỷ đồng). Phân bổ để đầu tư cho các công trình, dự án là 90%, dành 10% dự phòng chưa phân bổ để xử lý rủi ro về thu và các yêu cầu cấp bách về đầu tư trong điều hành. Căn cứ tình hình thực tế, số bố trí chi đầu tư phát triển sẽ được Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước cả giai đoạn 2021 - 2025 bình quân không quá 0,3% GRDP.

(*Kèm theo Phụ lục II - Kế hoạch Tài chính - ngân sách giai đoạn 05 năm 2021 - 2025*).

Điều 3. Định hướng

1. Về thu ngân sách nhà nước: triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách thu, nâng dần tỷ lệ huy động GRDP vào ngân sách nhà nước, bảo đảm tỷ trọng thu nội địa không thấp hơn mức quy định trên, phù hợp với sự phát triển của tỉnh. Bảo đảm tỷ trọng hợp lý giữa thuế trực thu và thuế gián thu; khai thác tốt những nguồn thu còn dư địa. Đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu thuế, giảm mạnh nợ đọng thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước. Hạn chế tối đa việc đề ra các chính sách làm giảm thu ngân sách nhà nước.

2. Về chi ngân sách nhà nước: giữ cơ cấu hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; ưu tiên chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và sự nghiệp khoa học và công nghệ đảm bảo tỷ lệ theo quy định từng thời kỳ; bảo đảm chi chế độ, chính sách cho con người, an sinh xã hội, chính sách ưu đãi đối với người có công với

cách mạng và chi cho quốc phòng, an ninh. Đặc biệt, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên dành nguồn để đảm bảo bố trí chi cải cách chính sách tiền lương theo lộ trình của Chính phủ.

Điều 4. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

1. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các chính sách về thuế, phí và lệ phí,... bảo đảm tính đồng bộ, công khai, minh bạch, ổn định và phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau. Thực hiện cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước bảo đảm theo mục tiêu, định hướng đã đề ra. Từng bước thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp bảo đảm cân đối tài chính ngân sách địa phương.

2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định về quản lý ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước, sắp xếp các khoản chi, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; không ban hành các chính sách, chế độ, các chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

3. Thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính trong thu, chi ngân sách nhà nước. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, để chống thất thu, ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại, trốn thuế, chống thất thoát, lãng phí trong chi ngân sách nhà nước, đặc biệt là trong chi đầu tư xây dựng cơ bản. Tích cực đôn đốc, xử lý nợ đọng thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước; giảm tối đa nợ đọng thuế. Xử lý nghiêm, kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý, thu, chi ngân sách nhà nước, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các Sở, ngành, địa phương trong việc quản lý ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các cơ chế, chính sách liên quan đến việc đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt là đẩy nhanh lộ trình thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công tiến tới tính đủ chi phí, góp phần nâng cao tính tự chủ của các đơn vị; tạo điều kiện để cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương, đồng thời tiếp tục thực hiện việc tinh giản biên chế, sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

5. Đẩy mạnh việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Rà soát cơ chế quản lý tài chính đối với một số doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước bảo đảm theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các luật về thuế.

6. Kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu nợ công trong giới hạn cho phép; bố trí nguồn bảo đảm trả nợ đầy đủ, đúng hạn. Các khoản vay mới chỉ thực hiện sau khi đã đánh giá đầy đủ tác động lên quy mô nợ công và khả năng trả nợ.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả khai thác nguồn lực tài chính trong việc quản lý, sử dụng tài sản công; triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các văn bản pháp luật về quản lý nợ công.

8. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính. Thực hiện hiện đại hóa công tác quản lý tài chính trên địa bàn tỉnh thông qua đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tích hợp dữ liệu tài chính địa phương vào hệ thống cơ sở dữ liệu tài chính quốc gia. Thúc đẩy và tăng cường tính minh bạch các thông tin tài chính ngân sách theo quy định. Giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính về thuế, hải quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác được thành lập theo quy định của pháp luật thực hiện giám sát, tuyên truyền, vận động và cùng với nhân dân giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa IX, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, TP Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Hiện

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

Phụ lục II

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Mục tiêu giai đoạn 2016-2020	Thực hiện giai đoạn 2016-2020						Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
			Tổng giai đoạn 2016-2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	UTH Năm 2020	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
A	**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GRDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH**	**320.000.000**	**280.197.000**	**46.063.000**	**51.699.000**	**57.631.000**	**61.666.000**	**63.138.000**	**403.945.856**
B	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**22.903.000**	**24.505.909**	**4.191.302**	**4.171.970**	**4.715.050**	**5.739.587**	**5.688.000**	**35.800.000**
	Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn (%)		*7,27*	*2,94*	*-0,46*	*13,02*	*21,73*	*-0,90*	*9*
	Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)	*7,16*	*8,75*	*9,10*	*8,07*	*8,18*	*9,31*	*9,01*	*9*
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP (%)		*6%*	*8%*	*5%*	*6%*	*6%*	*5%*	*6%*
I	**Thu nội địa**	**22.650.000**	**24.215.008**	**3.981.634**	**4.155.066**	**4.685.968**	**5.719.340**	**5.673.000**	**35.287.000**
	Tốc độ tăng thu (%)	*10-12%/năm*	*8,14*	*2,33*	*4,36*	*12,78*	*22,05*	*-0,81*	*9*
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)		*98,81%*	*95,00%*	*99,59%*	*99,38%*	*99,65%*	*99,74%*	*98,57%*
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất	*1.686.000*	*1.865.655*	*230.591*	*340.218*	*323.252*	*376.394*	*595.200*	*3.960.000*
	Thu xổ số kiến thiết	*4.197.000*	*4.806.631*	*682.700*	*780.591*	*850.524*	*1.322.816*	*1.170.000*	*7.394.000*
II	**Thu từ dầu thô (nếu có)**								
	Tốc độ tăng thu (%)								

STT	Nội dung	Mục tiêu giai đoạn 2016-2020	Thực hiện giai đoạn 2016-2020					Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
			Tổng giai đoạn 2016-2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	UTH Năm 2020	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
III	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (nếu có)**	**253.000**	**290.901**	**209.668**	**16.904**	**29.082**	**20.247**	**15.000**	**513.000**
	Tốc độ tăng thu (%)	*5-7%/năm*	*-12,01*	*16,16*	*-91,94*	*72,04*	*-30,38*	*-25,91*	*khoảng 5%/năm*
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	*1,10*	*1,19*	*5,00*	*0,41*	*0,62*	*0,35*	*0,26*	*1,43*
C	**TỔNG THU NSĐP**	**44.859.912**	**48.964.628**	**7.446.798**	**8.804.921**	**10.186.818**	**11.204.282**	**11.321.809**	**59.762.416**
	Tốc độ tăng thu NSĐP (%)			*4,11*	*18,24*	*15,69*	*9,99*	*1,05*	*4*
	Tỷ lệ thu NSĐP so với GRDP (%)			*0,16*	*0,17*	*0,18*	*0,18*	*0,18*	*0,15*
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**21.403.102**	**22.779.820**	**3.934.129**	**3.851.349**	**4.357.005**	**5.378.617**	**5.258.720**	**32.990.666**
	Tốc độ tăng (%)		*10,98*	*22,63*	*-2,10*	*13,13*	*23,45*	*-2,23*	*8,96*
	Tỷ trọng trong tổng thu NSĐP (%)		*0,47*	*0,53*	*0,44*	*0,43*	*0,48*	*0,46*	
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**23.456.810**	**26.184.808**	**3.512.669**	**4.953.572**	**5.829.813**	**5.825.665**	**6.063.089**	**26.771.750**
	Tốc độ tăng (%)		*9,96*	*-10,96*	*41,02*	*17,69*	*-0,07*	*2,14*	*0,45*
	Tỷ trọng trong tổng thu NSĐP (%)		*0,53*	*0,47*	*0,56*	*0,57*	*0,52*	*0,54*	*0,45*
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	14.890.788	14.890.788	1.153.228	3.196.428	3.398.277	3.514.957	3.627.898	18.315.920
-	Thu bổ sung có mục tiêu	8.566.022	11.294.020	2.359.441	1.757.144	2.431.536	2.310.708	2.435.191	8.455.830
D	**TỔNG CHI NSĐP**	**37.689.789**	**43.255.962**	**7.052.588**	**7.688.599**	**9.477.504**	**10.167.387**	**8.869.884**	**51.196.000**
	Tốc độ tăng chi NSĐP (%)			*6*	*9,02*	*23,27*	*7,28*	*-12,76*	*18*
	Tỷ lệ chi NSĐP so với GRDP (%)			*0,15*	*0,15*	*0,16*	*0,16*	*0,14*	*0*
I	**Chi đầu tư phát triển (1)**	**8.901.699**	**11.770.437**	**1.369.225**	**1.634.663**	**3.016.225**	**3.546.550**	**2.203.773**	**16.373.323**

STT	Nội dung	Mục tiêu giai đoạn 2016-2020	Thực hiện giai đoạn 2016-2020					Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
			Tổng giai đoạn 2016-2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	UTH Năm 2020	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	Tốc độ tăng (%)		*14,40*	*-11,63*	*19,39*	*84,52*	*17,58*	*-37,86*	*8*
	Tỷ trọng trong tổng chi NSĐP (%)	*23,62*	*27,2*	*19,41*	*21,26*	*31,83*	*34,88*	*24,85*	*32*
II	**Chi thường xuyên**	**28.058.160**	**30.766.210**	**5.365.176**	**5.826.674**	**6.374.277**	**6.564.811**	**6.635.272**	**34.729.917**
	Tốc độ tăng (%)		*6*	*7,1*	*8,6*	*9,4*	*3,0*	*1,1*	*4,76*
	Tỷ trọng trong tổng chi NSĐP (%)	*74,44*	*71,1*	*76,07*	*75,78*	*67,26*	*64,57*	*74,81*	*68*
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	**7.060**	**4.858**	**1.901**	**1.287**	**404**	**366**	**900**	**57.592**
	Tốc độ tăng (%)			*-36*	*-32*	*-69*	*-10*	*146*	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSĐP (%)			*0,03%*	*0,02%*	*0,00%*	*0,00%*	*0,01%*	*0,1%*
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**								
E	**BỘI CHI/BỘI THU NSĐP**								
G	**TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSĐP**								
I	**Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSĐP**	**4.555.964**	**4.555.964**	**786.826**	**770.270**	**871.401**	**1.075.723**	**1.051.744**	**6.598.133**
II	**Mức dư nợ đầu kỳ (năm)**	**740.752**	**740.752**	**740.752**	**424.467**	**198.492**	**111.894**	**66.129**	**57.190**
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSĐP (%)			*0,94*	*0,55*	*0,23*	*0,10*	*0,06*	
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với GRDP (%)								
III	**Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)**	**722.870**	**714.457**	**316.285**	**225.975**	**86.598**	**55.660**	**29.939**	**35.167**
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	128.500							
-	Từ nguồn bội thu NSĐP; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh	594.370	714.457	316.285	225.975	86.598	55.660	29.939	35.167
IV	**Tổng mức vay trong kỳ (năm)**	**722.870**	**30.895**	**0**	**0**	**0**	**9.895**	**21.000**	**1.128.951**

STT	Nội dung	Mục tiêu giai đoạn 2016-2020	Thực hiện giai đoạn 2016-2020					Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
			Tổng giai đoạn 2016-2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	UTH Năm 2020	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
-	Vay để bù đắp bội chi	594.370							1.128.951
-	Vay để trả nợ gốc	128.500	30.895				9.895	21.000	
V	**Mức dư nợ cuối kỳ (năm)**	**740.752**	**57.190**	**424.467**	**198.492**	**111.894**	**66.129**	**57.190**	**1.150.974**
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSĐP (%)			*53,9%*	*25,8%*	*12,8%*	*6,1%*	*5,4%*	*17%*
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với GRDP (%)			*0,9%*	*0,4%*	*0,2%*	*0,1%*	*0,1%*	*0,3%*